

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm nhẹ hơn 2 điểm trong ngày hôm nay, đóng cửa tại mốc 1,226.80 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm. Các ngành biến động không lớn trong ngày hôm nay, ngoại trừ ngành Công nghệ thông tin ghi nhận đà giảm hơn 2%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dòng tiền yếu dần trước kỳ nghỉ lễ, có khả năng trong phiên ngày mai thị trường cũng sẽ không có biến động lớn. Xu hướng giao dịch trong vùng 1,200 – 1,240 có thể sẽ tiếp diễn sau kỳ nghỉ lễ. VN-Index cần một cây nến chỉ hướng và dòng tiền ủng hộ để thoát khỏi vùng này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng ngược chiều với nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2512.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.43** điểm, đóng cửa tại **1226.8** điểm. HNX-Index **-0.27** điểm, đóng cửa tại **211.45** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.93)**, **SAB (+0.54)**, **GEE (+0.38)**, **LPB (+0.36)**, **SSB (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-3.50)**, **FPT (-0.99)**, **BID (-0.75)**, **VNM (-0.39)**, **CTG (-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,243** tỷ đồng, giảm **-33.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,115 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.74 điểm. Thị trường có **235** mã tăng, 79 mã tham chiếu, **262** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **2.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (117.43 tỷ)**, **BVH (80.94 tỷ)**, **SAB (58.43 tỷ)**, **VIC (54.94 tỷ)**, **HDB (54.09 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **20.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
HSG (+2.25%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+2.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
HCM (+1.61%)
- BSC50 **-0.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
SAB (+3.43%)
FTS (+3.14%)
VTP (+2.75%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.09%	-0.18%	-0.20%	-0.37%
1 tuần	1.62%	1.39%	1.63%	1.39%
1 tháng	-8.61%	-11.06%	-6.88%	-4.48%
3 tháng	-9.63%	-7.94%	-3.02%	-1.89%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,226.80	211.45	92.25
% 1D	-0.20%	-0.13%	-0.02%
GTGD (tỷ VND)	12,243	654	538
%1D	-33.28%	-19.26%	-25.09%
GDNN (tỷ VND)	2.36	20.07	-28.51

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	117.43	VHM	-118.86
BVH	80.94	FPT	-104.69
SAB	58.43	GEX	-68.61
VIC	54.94	BID	-57.93
HDB	54.09	VNM	-53.91

Thị trường thế giới

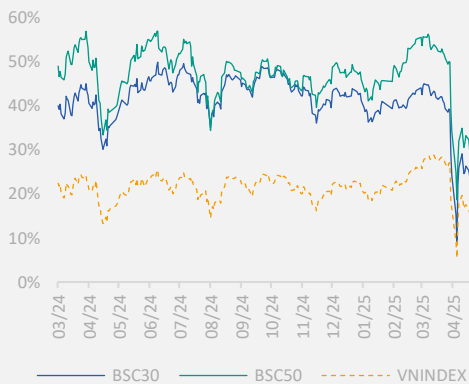
		%D	%W
SPX	5,525	0.74%	4.59%
FTSE100	8,449	0.40%	2.09%
Eurostoxx	5,185	0.59%	5.05%
Shanghai	3,288	-0.20%	-0.09%
Nikkei	35,840	0.38%	4.52%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.69	-0.27%
Giá vàng	3,285	-0.40%
Tỷ giá		
USD/VND	26,170	-0.10%
EUR/VND	30,323	-0.18%
JPY/VND	185	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	-0.03%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

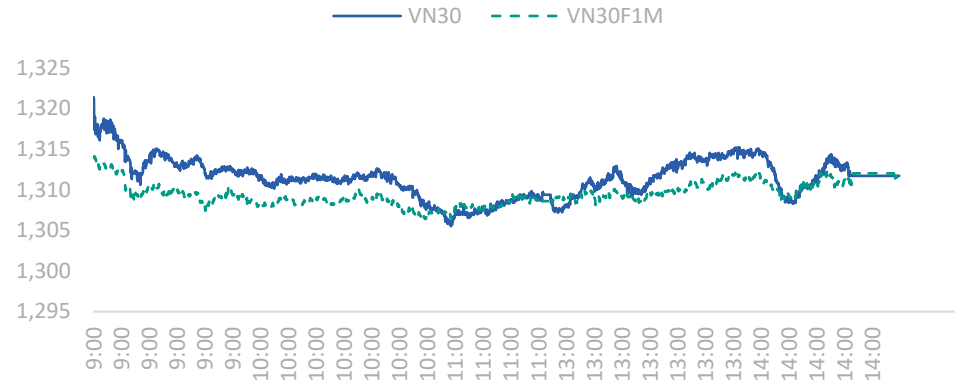
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1315.50	0.11%	54	-37.9%	9/18/2025	143
VN30F2512	1315.50	-0.20%	28	-69.2%	12/18/2025	234
VN30F2505	1312.00	0.01%	144,266	-26.9%	5/15/2025	17
VN30F2506	1314.90	0.30%	238	-15.0%	6/19/2025	52

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -4.86 điểm, đóng cửa tại 1312.32 điểm. Biên độ dao động 15.87 điểm. Các cổ phiếu như VHM, FPT, VNM, VJC, HPG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp. Tuần giao dịch này chỉ có 2 phiên giao dịch, nhà đầu tư nên cẩn trọng hoạt động trading để đảm bảo an toàn cho danh mục.
- Các HĐTL tăng ngược chiều với nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2512. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2505.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2502	5/26/2025	28	2,611,900	-87.76%	7.30	70	75.0%	11.05	7.65	62.50	62.50
CVJC2503	9/19/2025	144	142,400	-81.26%	11.00	570	42.5%	7.83	16.70	89.10	89.10
CMWG2401	5/21/2025	23	434,900	-87.55%	6.55	260	36.8%	13.70	7.58	60.90	60.90
CMSN2404	7/28/2025	91	593,400	-85.89%	7.90	230	35.3%	13.67	8.82	62.50	62.50
CMWG2506	6/30/2025	63	176,600	-86.85%	6.69	440	29.4%	18.09	8.01	60.90	60.90
CVRE2505	10/23/2025	178	100	-62.42%	1.70	3,490	20.8%	10.72	8.68	23.10	23.10
CHDB2503	9/19/2025	144	174,000	-79.18%	2.56	480	20.0%	4.75	4.48	21.50	21.50
CMWG2502	5/26/2025	28	718,900	-84.56%	6.00	680	19.3%	10.98	9.40	60.90	60.90
CVJC2502	7/21/2025	84	31,100	-83.05%	10.00	510	18.6%	7.92	15.10	89.10	89.10
CFPT2506	6/30/2025	63	184,000	-83.93%	16.40	150	15.4%	11.65	17.60	109.50	109.50
CMSN2504	6/30/2025	63	93,300	-86.61%	7.77	150	15.4%	13.70	8.37	62.50	62.50
CVRE2510	12/19/2025	235	600	-69.30%	2.21	1,220	10.9%	5.24	7.09	23.10	23.10
CHPG2510	2/5/2026	283	600	-75.83%	2.90	1,100	10.0%	7.62	6.20	25.65	25.65
CVPB2508	9/19/2025	144	100,400	-82.92%	2.17	330	10.0%	7.21	2.83	16.55	16.55
CVRE2410	6/30/2025	63	329,900	-76.85%	2.19	790	9.7%	5.23	5.35	23.10	23.10
CVRE2507	9/19/2025	144	1,500	-69.23%	1.99	1,280	9.4%	5.29	7.11	23.10	23.10
CMBB2507	2/5/2026	283	9,000	-76.03%	2.40	1,640	9.3%	10.69	5.68	23.70	23.70
CMSN2503	10/27/2025	182	50,500	-81.36%	7.50	830	9.2%	11.04	11.65	62.50	62.50
CVIC2507	11/19/2025	205	8,100	-68.62%	5.89	3,090	9.2%	12.45	21.34	68.00	68.00
CVRE2508	10/20/2025	175	3,200	-72.26%	2.09	1,080	9.1%	5.26	6.41	23.10	23.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 28/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2502 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 75.00%. CVHM2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.62%.
- CVHM2503, CVIC2501, CVHM2408, CVIC2405, CVIC2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	68.00	1.49%	1.63
LPB	32.80	1.55%	0.90
MWG	60.90	0.66%	0.65
SSB	18.60	2.76%	0.59
MSN	62.50	0.81%	0.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	58.50	-6.10%	-5.14
FPT	109.50	-2.58%	-3.19
VNM	57.50	-1.37%	-0.96
VJC	89.10	-2.09%	-0.81
HPG	25.65	-0.19%	-0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	68.00	1.49%	0.93	3.82
SAB	51.20	3.43%	0.54	1.28
GEE	80.10	6.52%	0.38	0.31
LPB	32.80	1.55%	0.36	2.99
SSB	18.60	2.76%	0.35	2.85

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	27.00	1.50%	0.14	0.57
VIF	17.20	2.38%	0.09	0.35
TFC	79.70	9.93%	0.08	0.02
NTP	72.00	1.12%	0.07	0.14
HUT	12.50	0.81%	0.06	0.89

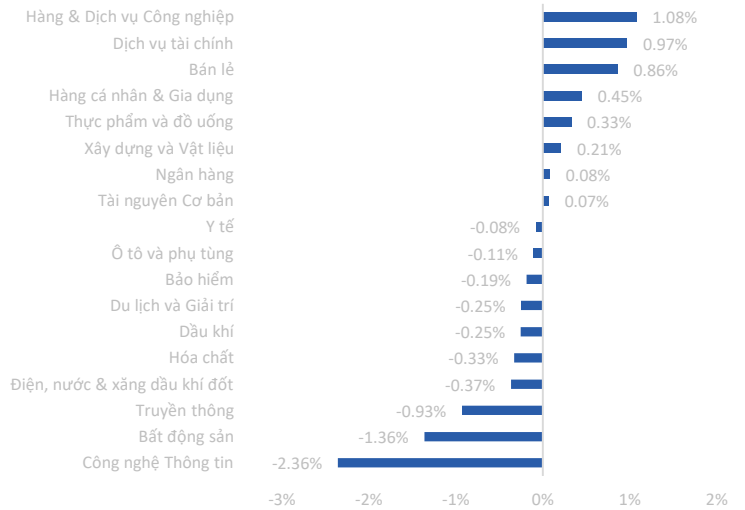
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LGC	59.70	6.99%	0.19	0.00
HAP	5.39	6.94%	0.01	1.21
DXV	3.88	6.89%	0.00	0.01
DRH	2.02	6.88%	0.00	1.40
TDH	4.05	6.86%	0.01	0.94

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TFC	79.70	9.93%	0.47	0.06
CAN	49.90	9.91%	0.09	0.00
CMC	6.70	9.84%	0.01	0.01
NFC	47.10	9.79%	0.26	0.04
NRC	4.50	9.76%	0.14	1.88

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	58.50	-6.10%	-3.50	4.11
FPT	109.50	-2.58%	-0.99	1.47
BID	34.55	-1.29%	-0.75	7.02
VNM	57.50	-1.37%	-0.39	2.09
CTG	36.85	-0.81%	-0.38	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	198.00	-1.98%	-0.48	0.20
BAB	11.20	-4.27%	-0.28	0.96
IDC	36.40	-1.89%	-0.14	0.33
PVI	56.70	-1.22%	-0.10	0.23
PVS	25.90	-0.77%	-0.06	0.48

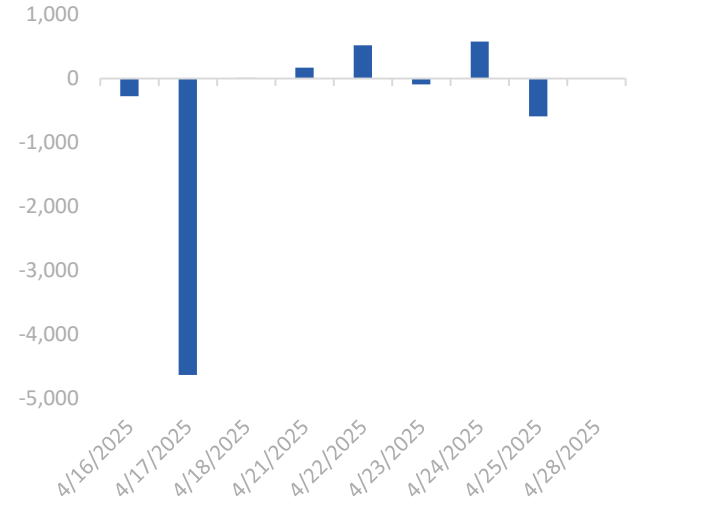
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUEIP100	8.86	-6.74%	0.00	0.00
STG	35.00	-6.17%	-0.05	0.00
VHM	58.50	-6.10%	-3.50	7.39
SBV	8.00	-5.88%	0.00	0.01
SPM	10.90	-5.63%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVN	6.50	-9.72%	-0.05	0.44
VE8	2.80	-9.68%	0.00	0.01
TMX	9.50	-9.52%	-0.02	0.00
PMS	33.50	-8.97%	-0.08	0.00
PGN	6.10	-8.96%	-0.02	0.62

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.9	0.7%	1.5	90,067	523.6	2,983	20.4		46.8%	
KBC	Bất động sản	22.5	-1.3%	1.7	17,271	120.8	498	45.2		15.6%	
KDH	Bất động sản	26.7	-1.8%	1.2	26,998	37.3	863	31.0		36.0%	
PDR	Bất động sản	15.7	0.0%	1.7	14,244	82.4	181	86.9	23,600	7.7%	Link
VHM	Bất động sản	58.5	-6.1%	1.1	240,284	449.6	7,349	8.0	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	109.5	-2.6%	1.1	161,082	454.7	5,618	19.5	163,000	41.5%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	0.6%	0.0	50,073	23.4	204	79.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.9	-0.8%	1.3	12,379	53.7	2,238	11.6	40,300	16.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.3	1.6%	1.8	18,179	205.1	1,394	18.1		39.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.1	1.1%	1.5	45,221	288.4	1,536	15.0		35.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.8	1.1%	1.5	26,390	212.0	1,602	22.9		30.3%	
DCM	Hóa chất	32.5	2.0%	1.8	17,206	62.5	2,805	11.6	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	91.5	0.3%	1.6	34,750	70.0	8,224	11.1	111,400	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.2%	0.8	106,976	143.7	3,708	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	34.6	-1.3%	0.9	242,588	141.4	3,643	9.5	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	36.9	-0.8%	0.9	197,884	192.3	4,720	7.8	50,000	26.8%	Link
HDB	Ngân hàng	21.5	1.2%	0.9	75,144	199.9	3,985	5.4		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.7	0.6%	0.9	144,624	546.2	4,049	5.9	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	-0.4%	1.2	29,250	29.4	2,123	5.3	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	39.3	0.3%	0.9	73,995	352.9	5,767	6.8		21.1%	
TCB	Ngân hàng	26.0	0.2%	1.1	183,686	785.4	3,013	8.6	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.5	0.8%	1.0	35,666	114.1	2,298	5.9	-	23.2%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	0.0%	0.5	480,451	105.2	4,049	14.2		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.4	0.0%	0.8	51,688	35.4	2,424	7.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.6	0.3%	0.9	131,306	210.9	2,030	8.2	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	-0.2%	1.2	164,064	349.3	1,879	13.7	37,500	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.7	2.3%	1.5	8,476	84.7	749	18.2	22,700	5.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	0.0%	1.9	9,103	77.8	3,930	6.9	31,000	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.5	0.8%	1.5	89,897	262.6	1,518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	-1.4%	0.5	120,172	153.9	4,494	12.8		48.9%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.9	0.31%	1.9	7,200	30.0	2,042	16.1	18.8%		Link
FRT	Bán lẻ	165.9	1.78%	1.2	22,603	137.9	2,331	71.2	32.1%		
BVH	Bảo hiểm	46.0	-0.22%	1.1	34,147	86.3	2,843	16.2	26.7%		
DIG	Bất động sản	14.7	0.00%	1.5	8,965	106.8	188	78.3	2.8%		
DXG	Bất động sản	14.6	-2.01%	1.5	12,714	98.8	347	42.1	20.7%		Link
HDC	Bất động sản	21.7	0.46%	1.3	3,861	42.5	436	49.7	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	23.2	-0.22%	1.5	7,803	22.7	1,036	22.4	19.6%		
IDC	Bất động sản	36.4	-1.89%	1.4	12,012	68.4	6,049	6.0	17.4%		
NLG	Bất động sản	27.6	-1.61%	1.6	10,609	52.7	1,827	15.1	37.6%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	62.5	1.46%	0.0	13,158	22.8	6,076	10.3	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	29.6	-1.33%	1.6	5,328	42.8	2,036	14.5	2.7%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	17.1	-3.40%	1.7	11,393	144.6	1,466	11.6	9.5%		Link
VIC	Bất động sản	68.0	1.49%	1.1	260,009	475.3	3,069	22.2	7.8%		
VRE	Bất động sản	23.1	1.32%	1.2	52,491	332.2	1,802	12.8	19.4%		
CMG	Công nghệ Thông tin	31.6	-0.32%	1.1	6,677	10.8	1,478	21.4	36.6%		
PLX	Dầu khí	33.8	-1.31%	1.0	42,946	20.5	2,274	14.9	17.4%		Link
PVD	Dầu khí	17.8	0.00%	1.4	9,867	49.6	1,255	14.1	8.2%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.8	3.14%	2.0	11,564	151.9	1,816	20.8	28.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	1.50%	1.9	15,465	57.8	1,650	16.4	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.4	-0.17%	0.8	136,812	20.5	4,439	13.2	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.8	-1.26%	1.0	27,517	88.1	475	24.8	3.7%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.0	-1.29%	1.0	32,500	23.2	4,237	16.3	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	89.1	-2.09%	0.6	48,258	39.8	2,632	33.9	12.6%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.1	-1.88%	1.7	22,388	217.1	2,052	12.7	10.7%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.0	0.00%	1.2	21,430	116.7	3,797	13.4	39.7%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.6	0.17%	1.4	7,872	46.5	4,394	13.8	13.3%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.0	0.72%	1.4	7,458	36.6	3,071	6.8	11.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.1	2.75%	0.0	13,652	128.4	3,146	35.6	6.8%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	70.8	1.00%	0.9	23,924	60.9	6,105	11.6	46.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	-1.37%	1.0	2,933	34.2	2,869	10.0	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	0.00%	1.3	2,035	15.4	2,580	6.4	17.0%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	32.9	1.23%	1.5	12,875	41.2	1,374	23.9	8.5%		Link
GVR	Hóa chất	23.5	-1.26%	2.2	94,000	63.9	997	23.6	0.6%		
EIB	Ngân hàng	19.4	1.57%	1.0	36,044	164.5	1,786	10.8	4.0%		Link
LPB	Ngân hàng	32.8	1.55%	0.7	97,983	52.2	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.6	0.00%	0.0	22,784	15.2	2,702	6.1	1.8%		
OCB	Ngân hàng	10.4	0.97%	1.0	25,644	251.8	1,287	8.1	19.1%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.0	0.42%	1.5	5,371	88.6	1,122	10.7	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	-2.59%	1.7	4,007	8.5	612	24.6	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.2	-1.87%	0.8	10,382	116.9	1,511	22.6	4.0%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.2	3.43%	1.3	65,667	105.4	3,376	15.2	59.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	48.0	-3.42%	1.4	10,774	82.9	5,463	8.8	23.8%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.4	-0.91%	1.1	11,575	24.0	13,288	10.6	85.4%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.6	-1.78%	1.4	8,254	49.7	3,718	22.2	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.3	0.48%	1.5	9,643	53.0	4,705	17.9	7.9%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.8	0.00%	1.5	3,200	25.7	3,553	14.3	8.1%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.8	-0.84%	1.5	5,101	32.1	987	12.0	8.0%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.9	0.24%	1.5	7,457	12.0	1,307	16.0	16.6%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.4	-0.93%	1.6	12,780	89.3	1,548	13.8	7.2%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.3	-0.88%	1.6	17,620	18.2	2,720	14.5	5.4%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_ Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_ 4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_ 3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_ 1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_ 2Q2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>